

## MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ 1 VẬT LÍ 12

### a) Ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 1.
- **Thời gian làm bài:** 45 phút.
- **Cấu trúc:**
  - + Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.
  - + Phần I. Trắc nghiệm 4 lựa chọn, 1 lựa chọn đúng: 12 Câu = 3,0 điểm;
  - + Phần II. Trắc nghiệm đúng sai: 2 Câu = 8 ý = 2,0 điểm.
  - + Phần III. Trả lời ngắn: 4-8 Câu = 2,0 điểm;
  - + Phần IV. Tự luận: 2 Câu = 3 điểm.
  - + Nội dung: *Mở đầu: Vật lí Nhiệt(13 tiết)*

Nội dung	Số tiết	CẤP ĐỘ TƯ DUY												Tổng số câu/ý
		PHẦN I (TN 4 lựa chọn)			PHẦN II (TN đúng sai)			PHẦN III (TN trả lời ngắn)			PHẦN IV (Tự luận)			
		NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	
Mở đầu- Vật lí nhiệt	14													
Tổng	14	8	4	0	4	2	2	0	0	4	0	2	2	28
Điểm		12 Câu =3,0 điểm			2 Câu = 8 ý = 2,0 điểm			4 Câu =2,0 điểm			2 Câu = 3,0 điểm			10
Tỉ lệ		30			20			20			30			100

Cấp độ tư duy	NB	TH	VD
Số ý (Mang tính tương đối)	12	8	8
Tỷ lệ % Điểm cho từng cấp độ tư duy (Mang tính tương đối)	40	30	30

### b) Bản đặc tả

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Phần I	Phần II	Phần III	Tự luận
Vật lí nhiệt	Sự chuyển thể	<b>Nhận biết</b>				
		- Sử dụng mô hình động học phân tử, nêu được sơ lược cấu trúc của chất rắn, chất lỏng, chất khí	C1,C2	C1a C1b		
		<b>Thông hiểu</b>				
		Thông hiểu được một số hiện tượng vật lí liên quan đến sự chuyển thể: sự nóng chảy, sự đông đặc	C3	C1c		
		<b>Vận dụng</b>				
		- Giải thích được sơ lược một số hiện tượng vật lí liên quan đến sự chuyển thể: sự nóng chảy, sự hoá hơi.				
	Nội năng, định luật 1 của nhiệt động lực học	<b>Nhận biết</b>				
		- Thực hiện thí nghiệm, nêu được: mối liên hệ nội năng của vật với năng lượng của các phân tử tạo nên vật, định luật 1 của nhiệt động lực học.	C4,C5	C2a C2b		
		<b>Thông hiểu</b>				
		Hiểu được định luật 1 của nhiệt động lực học trong một số trường hợp đơn giản.	C6	C2c		C1a
		<b>Vận dụng</b>				
		- Vận dụng được định luật 1 của nhiệt động lực học trong một số trường hợp đơn giản.		C2d	C1	C1b
	Thang nhiệt độ, nhiệt kế	<b>Nhận biết</b>				
		- Thực hiện thí nghiệm đơn giản, thảo luận để nêu được sự chênh lệch nhiệt độ giữa hai vật tiếp xúc nhau có thể cho ta biết chiều truyền năng lượng nhiệt	C7			

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Phần I	Phần II	Phần III	Tự luận
		giữa chúng; từ đó nêu được khi hai vật tiếp xúc với nhau, ở cùng nhiệt độ, sẽ không có sự truyền năng lượng nhiệt giữa chúng.				
		- Thảo luận để nêu được mỗi độ chia ( $1^{\circ}\text{C}$ ) trong thang Celsius bằng $1/100$ của khoảng cách giữa nhiệt độ tan chảy của nước tinh khiết đóng băng và nhiệt độ sôi của nước tinh khiết (ở áp suất tiêu chuẩn), mỗi độ chia (1 K) trong thang Kelvin bằng $1/(273,16)$ của khoảng cách giữa nhiệt độ không tuyệt đối và nhiệt độ điểm mà nước tinh khiết tồn tại đồng thời ở thể rắn, lỏng và hơi (ở áp suất tiêu chuẩn).	C8			
		- Nêu được nhiệt độ không tuyệt đối là nhiệt độ mà tại đó tất cả các chất có động năng chuyển động nhiệt của các phân tử hoặc nguyên tử bằng không và thế năng của chúng là tối thiểu.				
		<b>Thông hiểu</b>				
		- Chuyển đổi được nhiệt độ đo theo thang Celsius sang nhiệt độ đo theo thang Kelvin và ngược lại.	C9			
		<b>Vận dụng</b>				
		Chuyển đổi được nhiệt độ đo theo thang Celsius sang nhiệt độ đo theo thang Kelvin và ngược lại.			C4	
	Nhiệt dung riêng, nhiệt nóng chảy riêng, nhiệt hoá hơi riêng	<b>Nhận biết</b>				
		- Nêu được định nghĩa nhiệt dung riêng, nhiệt nóng chảy riêng, nhiệt hoá hơi riêng.	C10 C11			
		<b>Thông hiểu</b>				
		Hiểu được các công thức tính nhiệt nóng chảy riêng và nhiệt hoá hơi riêng	C12			C2a
		<b>Vận dụng</b>				

Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Phần I	Phần II	Phần III	Tự luận
		- Thảo luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án và thực hiện phương án, đo được nhiệt dung riêng, nhiệt nóng chảy riêng, nhiệt hoá hơi riêng bằng dụng cụ thực hành.		C1d	C2 C3	C2b

